

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày: 23 - 4 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Dĩnh, ông Phạm Quang Đôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐST- KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn G.

Địa chỉ trụ sở: Số X, L, P, Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Kim L - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Kim L: Ông Phạm Trung D - Phó Tổng giám đốc (Giấy ủy quyền số 1229 ngày 02/11/2020). (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần G.

Địa chỉ trụ sở: Số nhà Y, tổ dân phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc T - Giám đốc. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Phạm Trung D trình bày:

Công ty Cổ phần G (sau đây gọi là bị đơn) là khách hàng, đối tác lâu năm của Công ty cổ phần G Trung ương nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn G (sau đây gọi là nguyên đơn). Ngày 10/11/2017 hai bên đã ký Hợp đồng mua bán hạt giống cây trồng

số 926/HĐKT/2017 trong đó quy định về số lượng, giá cả các mặt hàng tại thời điểm giao nhận hàng và được thể hiện trên hóa đơn giá trị gia tăng. Phương thức thanh toán: chuyển khoản. Ngoài ra hợp đồng còn quy định về chất lượng, quy cách hàng hóa, địa điểm thời gian phương thức giao nhận hàng, trách nhiệm mỗi bên, hiệu lực hợp đồng...

Đến ngày 04/6/2020 hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 04/6/2020, tổng số tiền hàng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 19.874.160.000 đồng.

Trong đó:

- Giá trị hàng hóa phía bị đơn trả lại là 2.334.680.000 đồng
- Giá trị điều chỉnh giảm giá hàng bán (ngô LVN10): 600.000.000 đồng.
- Tổng số tiền bị đơn đã thanh toán là: 13.050.000.000 đồng.

Số tiền còn lại bị đơn còn nợ là: 19.874.160.000 đồng - 2.334.680.000 đồng - 600.000.000 đồng - 13.050.000.000 đồng = 3.889.480.000 đồng. Bị đơn cam kết trả trong quý 3 năm 2020.

Tuy nhiên cho đến nay mặc dù phía nguyên đơn đã thông báo, đơn đốc trả nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn mới trả được số tiền: 150.000.000 đồng vào ngày 03/7/2020. Số tiền còn lại vẫn chưa trả. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả số nợ gốc và tiền lãi nợ quá hạn tính đến ngày 26/10/2020 là: 4.385.873.000 đồng.

Trong đó:

Số tiền hàng còn nợ là 3.739.480.000 đồng.

Tiền lãi nợ quá hạn là: 646.393.000 đồng (Với mức lãi suất là 8,5%/năm x số ngày quá hạn tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 26/10/2020).

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ sau ngày xét xử bị đơn tiếp tục phải chịu số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn là 8,5 %/năm cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 25/3/2021 đại diện nguyên đơn đồng ý với đề nghị của bị đơn về yêu cầu tính lãi (thay đổi thời điểm tính lãi) chỉ tính từ ngày 01/01/2020 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có ý kiến: Do bị đơn đã trả 800.000.000 đồng tiền gốc nên nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này.

Cho đến nay yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: Buộc bị đơn phải trả tổng số tiền là: 3.363.853.000 đồng.

Trong đó:

Số tiền gốc (tiền hàng còn nợ) là 2.939.480.000 đồng.

Tiền lãi nợ quá hạn là: 424.373.000 đồng (Với mức lãi suất là 8,5%/năm x số ngày quá hạn tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 23/4/2021).

2. Tại Bản tự khai đề ngày 08/12/2020, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn - ông Phạm Ngọc T trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về quá trình ký kết, nội dung của hợp đồng, việc lập biên bản đối chiếu công nợ cũng như việc trả nợ.

Thừa nhận, ngày 10/11/2017 bị đơn có ký Hợp đồng mua bán hạt giống cây trồng số 926/HĐKT/2017 với nguyên đơn để mua các loại hạt giống cây lương thực.

Đến ngày 04/6/2020 hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 04/6/2020. Biên bản có chữ ký của ông T và dấu của công ty. Tổng số tiền hàng Công ty Cổ phần G phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn G là: 19.874.160.000 đồng.

Trong đó:

- Số tiền hàng trả lại cho nguyên đơn là: 2.334.680.000 đồng

- Số tiền đã thanh toán là: 13.050.000.000 đồng.

Số tiền còn lại còn nợ là: 3.889.480.000 đồng. Chúng tôi cam kết sẽ trả trong quý 3 năm 2020.

Đến ngày 03/7/2020 bị đơn mới trả được 150.000.000 đồng. Do trong năm 2020 Công ty gặp khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid 19 và một số khách hàng nợ tiền hàng nên công ty chưa thu xếp để trả nốt cho phía nguyên đơn.

Ngày 25/3/2021 bị đơn đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn số tiền 800.000.000 đồng để trả vào số tiền gốc. Đề nghị nguyên đơn tính lãi quá hạn từ ngày 01/01/2020 vì bị đơn đang gặp khó khăn. Bị đơn đồng ý với mức lãi suất 8,5%/năm nguyên đơn đưa ra.

Tại phiên tòa hôm nay, ban đầu bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhất trí với số liệu nguyên đơn đưa ra. Đồng ý có vay thì có trả, tuy nhiên mong phía nguyên đơn tạo điều kiện có thêm thời gian để trả nợ. Sau đó lại cho rằng số liệu gốc là chưa đúng, bị đơn có nợ nhưng số nợ gốc không nhiều như thế. Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về việc này.

3. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại phiên tòa ngày 25/3/2021 do bị đơn xuất trình chứng từ về việc chuyển khoản số tiền 800.000.000 đồng cho bị đơn. Nguyên đơn cho rằng ngay tại phiên tòa chưa thể xác nhận phía nguyên đơn đã nhận được số tiền này hay chưa. Đồng thời cần xác minh về mức lãi suất trung bình trên thị trường nên HĐXX quyết định tạm ngừng phiên tòa, thông báo để Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa theo quy định.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 244/BLTTDS; Điều 50, 55, 297, 306 Luật Thương mại năm 2017. Chấp yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tập đoàn G.

Buộc Công ty Cổ phần G có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn G tổng số tiền 3.363.853.000 đồng (gồm 2.939.480.000 đồng tiền gốc và 424.373.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 23/4/2021).

Đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 800.000.000 đồng tiền gốc.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Công ty Cổ phần G phải chịu toàn bộ án phí DSST có giá ngạch. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 04/11/2020, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện vụ án dân sự kèm theo tài liệu chứng cứ tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên với nội dung: Yêu cầu phía bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ và tiền lãi chậm thanh toán với tổng số 4.385.873.000 đồng. Ngày 09/11/2020 đại diện nguyên đơn đã nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án. Cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án theo Điều 195/BLTTDS.

- Về việc bổ sung, thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi vì trong đơn khởi kiện mới tính đến ngày 26/10/2020. Tại phiên tòa ngày 25/3/2021 nguyên đơn đồng ý với ý kiến của bị đơn, thay đổi thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2020 cho bị đơn. Việc bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) chấp nhận. Ngày 25/3/2021 bị đơn đã trả được 800.000.000 đồng tiền gốc nên nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền này. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền hàng chưa thanh toán và lãi chậm thanh toán đối với bị đơn có trụ sở tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên do đó đây là vụ án *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa* thuộc một trong các “*Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS;

[2] Về nội dung vụ án:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận việc hai bên đã ký Hợp đồng mua bán hạt giống cây trồng số 926/HĐKT/2017 ngày 10/11/2017 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/6/2020.

Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/6/2020 có đủ căn cứ để xác định: Từ ngày 10/11/2017 đến ngày 04/6/2020, tổng số tiền hàng Công ty Cổ phần G còn nợ Công ty Cổ phần Tập đoàn G là: 19.874.160.000 đồng. Trong đó: Số tiền hàng trả lại là: 2.334.680.000 đồng, số tiền đã thanh toán là: 13.050.000.000 đồng. Số tiền còn hàng còn nợ là: 3.889.480.000 đồng.

Sau khi chốt nợ, ngày 03/7/2020 phía bị đơn đã trả 150.000.000 đồng và ngày 25/3/2021 trả thêm 800.000.000 đồng. Như vậy số tiền gốc hiện nay bị đơn còn nợ là: 2.939.480.000 đồng.

Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận việc chốt nợ, cam kết trả nợ đồng thời cũng xin phía nguyên đơn cho thêm thời gian để thu xếp trả nợ, nhưng đồng thời lại đưa ra lý do là số liệu nguyên đơn đưa ra là chưa đúng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay bị đơn vẫn không cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho ý kiến của mình. Trước khi phiên tòa ngày 25/3/2021 diễn ra phía bị đơn đã chủ động chuyển khoản trả cho nguyên đơn số tiền 800.000.000 đồng. Đây cũng thể hiện việc bị đơn đã chấp thuận việc trả nợ của mình.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 2.939.480.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu trả lãi chậm trả: Tại khoản 3 Điều 4 của hợp đồng số 926/HĐKT/2017 quy định “3- *Thời hạn thanh toán*: Theo thỏa thuận của các bên”. Tại phiên tòa các bên thống nhất là thời hạn thanh toán là khi kết thúc vụ, phía bị đơn nhận được hàng hóa và hóa đơn bán hàng thì có nghĩa vụ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho nguyên đơn. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Thương mại năm 2017 nên được chấp nhận.

Do hợp đồng giữa các bên không thỏa thuận lãi chậm thanh toán nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền gốc chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2017. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi là 8,5%/năm. Mức lãi suất này không vượt quá mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm tính lãi và tại thời điểm xét xử. Đồng thời các bên đã thống nhất được thời điểm bắt đầu tính lãi và mức lãi suất như trên nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147/BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn

bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 50, 55, 297, 306 Luật Thương mại năm 2017;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tập đoàn G

Buộc Công ty Cổ phần G có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn G tổng số tiền **3.363.853.000 đồng** (Ba tỷ ba trăm sáu mươi ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng) (gồm 2.939.480.000 đồng tiền gốc và 424.373.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 23/4/2021).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận là 8,5%/năm.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ gốc 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần G phải chịu **99.277.000 đồng** (Chín mươi chín triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Công ty Cổ phần Tập đoàn G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty Cổ phần Tập đoàn G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.192.936 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm chín mươi hai nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000370 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/4/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ